

Số: 638/2020/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 22 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 140/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Huỳnh Vĩnh P , sinh năm 1982

Địa chỉ cư trú: Số 6S đường Trần Bá Giao, Phường N, quận G, TP. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1985

Địa chỉ cư trú: Số 6S đường Trần Bá Giao, Phường N, quận G, TP. Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Huỳnh Vĩnh P và chị Lê Thị N

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Vĩnh P và chị Lê Thị N thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 181 quyền số 1/2008 ngày 15/9/2008 do Ủy ban nhân dân Phường 5, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh cấp cho anh Huỳnh Vĩnh P và chị Lê Thị N hết hiệu lực.

Về con chung: Có một con chung tên Huỳnh Ngọc Bảo C, sinh ngày 21/8/2011. Hai bên thỏa thuận anh Huỳnh Vĩnh P là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Chị Lê Thị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đ (Hai triệu đồng). Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bên có thể thỏa thuận thay đổi phương thức cấp dưỡng, tạm ngừng cấp dưỡng trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế mà không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh P và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) đồng. Anh Huỳnh Vĩnh P và chị Lê Thị N mỗi người phải chịu 75.000 đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng nuôi con) là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) chị Lê Thị N phải chịu.

Anh P tự nguyện chịu thay tiền án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con cho chị Ngọc và được căn trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh Phúc đã đóng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0025613 ngày 14/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Các đương sự đã nộp đủ án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành dân sự quận Gò Vấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Lê Thị Thành Huế

